

ĐIỂM THI CUỐI HỌC KỲ II - KHỐI 11

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GD&CD	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC							
1	000427	Lê Công Chuẩn	11/03/2002	11A1	8.0	7.3	1.8	2.5	0.80	5.1	8.3	8.8	8.5	10.0	8.3	8.8	
2	000460	Phạm Khải Đình	24/11/2003	11A1	8.5	6.5	1.0	2	2.00	5.0	8.0	8.5	8.0	7.3	7.5	7.8	
3	000477	Trần Thị Mỹ Hằng	12/04/2003	11A1	8.0	8.0	1.2	3.13	2.60	6.9	8.8	7.5	6.5	9.3	8.8	9.0	
4	000478	Bùi Văn Hân	12/10/2003	11A1	5.0	6.8	1.6	2.25	1.80	5.7	5.0	5.5	6.8	4.5	7.8	7.5	
5	000480	Trần Gia Hân	15/07/2003	11A1	7.5	7.3	1.4	3.25	2.00	6.7	6.8	5.0	7.8	6.5	5.8	9.5	
6	000483	Đào Ngọc Hiền	18/09/2003	11A1	5.8	5.8	0.8	3	2.40	6.2	6.5	7.5	6.5	8.3	6.0	9.5	
7	000504	Vũ Minh Hùng	25/08/2003	11A1	9.0	6.5	1.8	2.5	1.60	5.9	5.8	8.8	7.5	9.5	8.8	6.3	
8	000513	Ví Huỳnh Hưng	24/12/2003	11A1	8.5	7.8	1.4	2.75	2.60	6.8	5.3	7.5	7.8	10.0	9.8	9.5	
9	000519	Hoàng Vĩnh Khang	01/09/2003	11A1	5.8	6.8	1.6	2.5	2.20	6.3	6.5	5.0	7.5	7.0	7.0	9.3	
10	000520	Nguyễn Tuấn Khang	28/11/2003	11A1	4.3	5.5	1.8	1.38	0.60	3.8	5.5	5.5	7.0	3.5	9.0	7.5	
11	000532	Nguyễn Thị Lệ Khuyên	07/01/2003	11A1	8.3	7.5	1.4	3.25	2.60	7.3	7.8	8.8	8.3	10.0	9.8	8.5	
12	000556	Nguyễn Hoàng Long	11/04/2003	11A1	8.5	5.3	1.6	1.75	1.00	4.4	7.3	5.5	6.3	6.3	6.8	5.5	
13	000564	Đào Ngọc Mai	06/08/2003	11A1	7.0	7.0	1.4	2.38	2.60	6.4	6.5	6.8	8.8	8.0	9.8	9.0	
14	000566	Nguyễn Thị Như Mai	01/10/2003	11A1	8.3	8.5	1.6	3.38	2.20	7.2	8.8	8.8	9.0	9.0	7.5	9.0	
15	000575	Lê Đoàn Kim My	23/03/2003	11A1	7.8	8.3	1.2	3	2.80	7.0	4.5	7.8	6.0	2.8	5.5	7.8	
16	000589	Đào Hiếu Nghĩa	23/07/2002	11A1	7.3	6.8	0.8	2.88	3.00	6.7	6.5	9.3	6.0	6.3	8.8	7.3	
17	000592	Đào Minh Ngọc	02/10/2003	11A1	7.5	6.0	1.4	4.13	2.00	7.5	5.5	4.3	8.8	6.3	8.3	8.8	
18	000604	Đình Huỳnh Thanh Nhã	27/06/2003	11A1	8.8	7.0	1.0	3.13	2.80	6.9	6.8	9.0	9.0	10.0	9.8	9.5	
19	000626	Lâm Tâm Như	08/09/2003	11A1	1.3	7.0	1.2	1.38	0.00	2.6	3.5	3.0	4.8	6.8	7.5	9.0	
20	000648	Hoàng Công Phúc	06/02/2003	11A1	8.3	7.0	1.2	3.63	3.00	7.8	8.0	9.8	9.5	9.3	9.5	9.3	
21	000650	Lê Thiên Phúc	08/11/2003	11A1	8.3	7.3	1.8	4	2.40	8.2	8.5	8.3	8.8	9.8	10.0	8.8	
22	000658	Trần Minh Phúc	13/09/2003	11A1	8.8	7.5	1.6	3.75	2.00	7.4	8.8	8.0	8.5	10.0	9.3	7.5	
23	000674	Nguyễn Hoàng Anh Quân	21/11/2003	11A1	8.8	6.8	1.6	2.38	2.60	6.6	6.5	7.8	9.3	7.5	10.0	7.8	
24	000679	Trần Phước Quý	24/10/2003	11A1	8.8	7.3	1.2	3.13	2.60	6.9	8.3	9.3	8.3	9.8	9.5	9.0	
25	000680	Lê Thùy Thảo Quyên	17/11/2003	11A1	7.3	7.0	1.8	4.25	3.00	9.1	7.8	8.8	8.8	9.5	9.0	8.8	
26	000681	Lưu Vũ Quyên	10/02/2003	11A1	8.5	7.8	1.2	3.63	2.80	7.6	8.5	8.8	9.5	10.0	10.0	8.3	

27	000690	Tống Dương Quỳnh	02/06/2003	11A1	6.5	7.0	1.4	1.75	2.80	6.0	4.3	4.3	7.3	5.5	9.3	7.8	
28	000692	Lê Nguyễn Minh Sang	17/04/2002	11A1	2.5	6.8	1.2	2.38	1.60	5.2	3.8	5.3	4.3	4.8	4.8	8.8	
29	000697	Nguyễn Tiến Sang	30/10/2002	11A1	6.8	5.5	1.8	3.5	0.20	5.5	6.5	8.8	8.3	7.3	8.8	7.0	
30	000712	Hứa Phạm Hồng Thái	24/10/2003	11A1	8.3	7.0	1.0	1.38	1.60	4.0	6.3	8.5	8.3	7.5	7.8	6.0	
31	000740	Nguyễn Thị Ngọc Thiên	02/04/2003	11A1	8.5	6.5	1.6	2.88	2.20	6.7	7.0	5.0	8.8	9.8	10.0	9.5	
32	000751	Trần Thị Thanh Thủy	28/12/2003	11A1	8.3	6.5	1.0	2.63	2.80	6.4	6.5	8.5	8.8	7.0	6.0	7.3	
33	000776	Phạm Nguyễn Minh Thy	21/11/2003	11A1	7.0	6.8	1.6	2.75	2.60	7.0	7.5	7.8	7.8	7.3	10.0	8.5	
34	000791	Phan Hoàng Tín	31/01/2003	11A1	6.0	6.0	1.2	2.5	1.40	5.1	4.8	7.5	3.0	7.0	6.8	6.5	
35	000796	Bùi Thị Thùy Trang	16/08/2003	11A1	5.8	6.0	1.0	2.5	1.20	4.7	1.5	3.5	6.8	4.5	7.0	4.0	
36	000804	Tạ Thị Thùy Trang	21/04/2003	11A1	6.5	7.5	1.2	3.63	2.80	7.6	6.5	6.8	8.5	6.8	9.3	8.0	
37	000806	Võ Đặng Hồng Trang	28/12/2003	11A1	6.0	7.3	1.8	1.63	0.80	4.2	6.5	6.8	7.3	8.0	8.0	8.0	
38	000819	Phạm Hồng Trinh	05/01/2003	11A1	9.0	6.8	1.8	2.88	2.40	7.1	7.5	7.8	5.8	6.5	8.0	7.5	
39	000838	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	20/11/2003	11A1	7.8	8.5	1.2	2.88	1.20	5.3	6.3	6.0	5.5	6.0	6.8	7.0	
40	000848	Nguyễn Thị Hồng Vân	20/09/2003	11A1	9.0	7.8	1.4	2.88	1.60	5.9	8.0	9.3	7.3	8.5	10.0	8.0	
41	000849	Nguyễn Thị Thanh Vân	09/06/2003	11A1	7.8	7.8	0.8	2.88	1.00	4.7	6.3	6.8	8.5	9.3	6.0	8.0	
42	000854	Trần Quang Vinh	22/12/2003	11A1	9.0	7.0	1.2	3.88	3.00	8.1	9.0	9.3	8.3	10.0	9.5	8.3	
43	000870	Trần Võ Thị Thanh Xuân	23/02/2003	11A1	9.0	7.5	1.4	2.13	1.60	5.1	8.0	9.3	9.5	10.0	10.0	8.5	
44	000871	Nguyễn Ngọc Như Ý	24/02/2003	11A1	7.3	7.3	0.8	3.25	2.60	6.7	6.8	6.8	8.5	6.8	8.8	8.3	
45	000873	Vũ Hoàng Mỹ Ý	16/12/2002	11A1	4.3	6.5	1.4	2.88	1.40	5.7	5.3	5.0	3.0	4.5	4.0	7.0	
46	000393	Trần Thúy An	26/01/2003	11A10	7.5	7.5	2.0	3.88	2.00	7.9	6.8	6.5	6.3	9.5	8.8	10.0	
47	000398	Đinh Thị Ngọc Anh	14/08/2003	11A10	7.5	7.5	2.0	3	2.20	7.2	5.5	7.3	9.3	10.0	9.3	10.0	
48	000404	Nguyễn Tuấn Anh	26/11/2003	11A10	5.0	6.5	1.8	1.88	1.30	5.0	4.0	3.5	7.8	6.5	6.0	10.0	
49	000421	Nguyễn Minh Châu	22/12/2003	11A10	9.0	8.0	2.0	3.75	3.00	8.8	8.0	8.0	9.0	10.0	6.0	9.0	
50	000426	Hoàng Ngọc Chính	14/12/2003	11A10	6.3	6.5	2.0	4	3.00	9.0	5.3	5.8	8.5	7.3	6.8	8.5	
51	000429	Lê Quốc Cường	17/11/2003	11A10	8.5	5.5	1.8	3.13	2.80	7.7	7.5	7.0	7.0	7.0	8.5	8.5	
52	000441	Trần Nhật Duy	19/08/2003	11A10	5.0	4.3	1.6	2.88	2.40	6.9	5.3	3.3	5.0	4.0	3.8	8.0	
53	000443	Nguyễn Thị Kim Duyên	04/06/2003	11A10	8.3	6.8	2.0	3.75	3.00	8.8	9.3	7.3	9.5	9.5	8.3	8.8	
54	000447	Phan Ánh Dương	12/06/2003	11A10	7.8	8.0	2.0	2.75	2.60	7.4	7.8	6.8	5.0	5.0	7.8	8.5	
55	000449	Đồ Minh Đạt	17/10/2003	11A10	7.5	7.0	2.0	4	3.00	9.0	8.5	8.3	8.0	9.5	8.5	9.8	
56	000464	Phạm Thanh Giàu	01/11/2003	11A10	7.8	5.3	1.8	2.38	2.40	6.6	6.3	6.0	7.8	7.5	5.5	9.0	
57	000484	Lê Thúy Hiền	02/07/2003	11A10	9.3	8.0	2.0	4.25	3.00	9.3	8.5	9.8	9.5	10.0	9.5	10.0	

89	000397	Dương Thị Vân Anh	15/11/2003	11A11	8.8	7.3	2.0	3.63	2.40	8.0	8.0	8.0	7.3	6.0	8.5	8.8	
90	000406	Nguyễn Võ Hoàng Anh	07/06/2003	11A11	4.0	6.5	2.0	4	2.80	8.8	5.8	7.8	7.8	7.3	9.3	7.0	
91	000420	Huỳnh Huyền Châu	20/10/2003	11A11	7.5	7.8	2.0	3.63	3.00	8.6	7.5	9.0	9.0	9.0	8.8	9.5	
92	000434	Bùi Nguyễn Thị Mỹ Dung	08/09/2003	11A11	8.5	7.0	2.0	3.5	3.00	8.5	7.3	8.5	7.3	5.8	9.0	8.0	
93	000438	Nguyễn Ngọc Dũng	25/11/2002	11A11	10.0	7.5	2.0	3.63	2.40	8.0	7.8	9.8	8.5	9.0	9.5	9.0	
94	000450	Hồ Lê Tấn Đạt	06/10/2003	11A11	6.0	6.5	2.0	2.63	2.40	7.0	4.3	7.3	6.8	6.3	8.0	5.3	
95	000472	Phạm Thị Hồng Hạnh	11/03/2003	11A11	5.5	6.8	1.6	3	3.00	7.6	7.0	7.8	7.8	5.5	8.3	9.0	
96	000475	Lê Ngọc Hào	09/08/2003	11A11	8.0	8.0	1.8	2.88	2.00	6.7	6.3	6.0	7.8	6.5	6.5	9.8	
97	000485	Nguyễn Thu Hiền	01/01/2003	11A11	3.8	5.3	2.0	2.88	2.80	7.7	4.5	6.3	6.5	7.5	5.8	7.8	
98	000508	Nguyễn Nhật Huy	12/07/2003	11A11	7.3	6.5	2.0	3	2.80	7.8	6.8	7.8	7.3	3.5	3.8	6.5	
99	000530	Phạm Tấn Khoa	17/12/2003	11A11	7.8	7.5	2.0	3.13	2.60	7.7	5.5	7.8	8.3	7.3	9.0	8.5	
100	000531	Phan Đăng Khoa	28/02/2003	11A11	8.8	6.3	2.0	4.13	2.80	8.9	8.0	8.8	8.5	5.5	5.0	8.5	
101	000535	Lê Trần Xuân Kiên	05/02/2003	11A11	7.8	6.0	2.0	3.63	2.60	8.2	6.8	7.5	8.0	7.8	3.5	8.5	
102	000538	Mai Tuấn Kiệt	22/08/2003	11A11	5.0	5.0	1.4	2.88	1.20	5.5	7.8	6.5	5.0	8.0	7.3	6.0	
103	000539	Nguyễn Anh Kiệt	27/11/2003	11A11	7.0	7.3	1.8	2.75	2.20	6.8	4.3	7.8	6.5	6.0	7.8	8.3	
104	000546	Phạm Nguyễn Hữu Lễ	06/04/2003	11A11	6.8	7.8	1.8	3.63	3.00	8.4	5.3	8.5	9.0	6.8	6.5	8.8	
105	000559	Khúc Thái Luân	18/10/2003	11A11	5.8	6.3	2.0	1.75	2.40	6.2	2.8	2.5	1.5	2.0	3.5	5.0	
106	000579	Nguyễn Hoàng Nam	23/11/2003	11A11	6.0	5.8	1.8	2.63	1.80	6.2	6.0	6.3	7.5	2.5	6.3	7.8	
107	000608	Nguyễn Mỹ Nhân	22/04/2003	11A11	8.8	6.3	1.8	2.75	2.80	7.4	8.0	8.8	9.5	10.0	9.0	9.5	
108	000609	Bùi Minh Nhật	13/05/2003	11A11	6.3	7.0	2.0	2.25	2.20	6.5	5.5	8.5	8.5	7.0	9.5	9.0	
109	000619	Trần Thảo Nhi	13/11/2003	11A11	10.0	8.3	2.0	3	3.00	8.0	7.0	8.5	5.0	9.3	7.5	6.0	
110	000625	Ngô Lưu Tuyết Nhung	13/01/2003	11A11	10.0	8.0	2.0	3.25	3.00	8.3	8.5	9.5	8.8	9.5	9.0	9.0	
111	000638	Nguyễn Phú Kiều Oanh	15/06/2003	11A11	9.3	8.0	1.8	3.75	3.00	8.6	9.3	9.8	8.8	8.8	9.3	9.5	
112	000640	Hồ Ngọc Đức Phát	09/01/2003	11A11	7.8	7.0	2.0	2.75	3.00	7.8	5.8	8.0	9.0	6.0	5.3	8.0	
113	000647	Đông Hữu Phúc	24/03/2002	11A11	9.0	6.5	2.0	3.25	3.00	8.3	6.5	7.3	7.5	8.5	8.5	8.0	
114	000654	Nguyễn Hồng Phúc	01/07/2003	11A11	7.3	7.0	1.6	3.38	3.00	8.0	8.0	9.3	8.8	9.3	9.3	9.0	
115	000668	Nguyễn Thị Thanh Phương	10/12/2003	11A11	5.3	7.3	1.8	2.63	2.80	7.2	3.0	5.0	3.3	3.5	3.0	7.0	
116	000682	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	15/05/2003	11A11	6.3	7.3	2.0	3.25	3.00	8.3	5.5	8.8	4.3	6.8	6.8	7.8	
117	000699	Trần Minh Sang	08/08/2003	11A11	8.3	7.0	2.0	4	3.00	9.0	7.0	8.3	9.3	8.5	8.3	8.8	
118	000702	Huỳnh Ngọc Tài	10/07/2003	11A11	8.0	6.0	2.0	2.63	3.00	7.6	5.8	6.3	4.8	9.0	5.8	7.5	
119	000722	Ngô Vương Thanh Thảo	30/12/2003	11A11	6.3	7.5	2.0	2.75	2.40	7.2	6.3	5.0	9.0	6.8	9.0	7.3	

120	000724	Nguyễn Phúc Thiện Thảo	12/11/2003	11A11	8.5	8.0	1.8	4.38	3.00	9.2	9.0	9.8	9.8	9.0	9.3	8.8	
121	000728	Phạm Trần Phương Thảo	24/03/2003	11A11	7.8	6.5	2.0	3.38	3.00	8.4	8.0	9.0	8.8	9.0	8.0	8.3	
122	000730	Trịnh Phương Thảo	03/11/2003	11A11	8.3	8.0	2.0	3.38	2.80	8.2	8.0	9.8	9.5	7.0	7.8	7.8	
123	000733	Ngô Lê Hồng Thắm	29/10/2003	11A11	7.5	7.5	2.0	3.5	3.00	8.5	8.3	9.5	8.8	9.8	9.3	9.5	
124	000762	Nguyễn Ngọc Minh Thư	18/12/2002	11A11	7.0	7.5	2.0	3.38	2.80	8.2	6.5	8.3	7.3	7.0	6.3	8.3	
125	000787	Nguyễn Lâm Nhật Tiến	28/01/2003	11A11	6.8	7.5	2.0	2.38	1.80	6.2	6.8	7.8	8.5	8.0	5.5	7.5	
126	000809	Nguyễn Thị Bích Trâm	22/12/2003	11A11	8.0	5.5	1.8	2	2.20	6.0	5.8	6.0	5.0	5.0	3.3	4.3	
127	000823	Đoàn Nguyễn Thế Trung	25/07/2003	11A11	7.5	6.5	2.0	3	2.80	7.8	7.3	8.3	7.0	7.0	7.8	6.5	
128	000832	Đinh Lê Anh Tuấn	13/06/2003	11A11	6.0	8.0	1.6	3.63	2.40	7.6	7.8	8.5	8.8	7.5	8.3	8.5	
129	000842	Nguyễn Quốc Uy	23/12/2002	11A11	7.0	8.3	1.8	3.25	2.00	7.1	5.5	6.5	4.5	6.8	6.5	6.8	
130	000851	Phan Hùng Vĩ	01/10/2003	11A11	8.0	8.0	2.0	2.38	3.00	7.4	7.5	7.5	7.5	9.5	9.5	9.0	
131	000860	Lữ Hà Tường Vy	02/02/2003	11A11	5.5	7.0	2.0	2.63	3.00	7.6	8.5	7.8	7.0	5.0	9.3	7.3	
132	000862	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	29/03/2003	11A11	6.5	6.5	2.0	2.63	2.80	7.4	8.0	8.3	9.3	6.5	9.5	9.8	
133	000876	Ngô Thị Hải Yến	28/06/2003	11A11	6.5	6.8	2.0	3.25	2.80	8.1	7.3	4.8	4.3	5.0	6.8	7.0	
134	000390	Nguyễn Thanh An	18/10/2003	11A2	5.5	6.0	1.0	1.5	0.20	2.7	4.3	2.8	4.0	3.5	6.3	4.0	
135	000400	Lê Lan Anh	05/08/2003	11A2	7.3	8.5	0.8	3.38	1.80	6.0	8.8	7.5	8.8	9.5	8.5	8.8	
136	000414	Ngô Thiên Bảo	19/10/2003	11A2	7.3	2.5	1.0	2.63	2.80	6.4	3.3	7.8	5.3	6.0	6.3	7.3	
137	000425	Phạm Trung Chiến	05/07/2003	11A2	8.3	7.0	1.0	3.25	2.40	6.7	7.3	5.5	6.3	9.0	6.3	7.5	
138	000428	Phạm Đức Hoàng Công	14/10/2003	11A2	9.0	6.0	1.0	3.25	2.80	7.1	8.5	8.0	9.3	6.8	9.3	6.5	
139	000444	Hồ Thị Thùy Dương	11/12/2003	11A2	8.5	8.0	1.2	3.13	1.80	6.1	8.8	8.8	9.0	9.5	8.8	8.5	
140	000446	Nguyễn Lê Thuỳ Dương	31/05/2003	11A2	8.5	7.8	1.0	3.63	1.80	6.4	9.0	8.8	8.3	10.0	10.0	8.8	
141	000454	Nguyễn Duy Đạt	01/01/2003	11A2	7.3	7.0	1.0	3.13	2.20	6.3	8.3	7.0	9.0	8.5	9.5	8.5	
142	000456	Nguyễn Tiến Đạt	29/07/2003	11A2	4.0	7.5	1.2	1.75	1.00	4.0	7.3	6.8	5.0	7.0	7.0	7.0	
143	000482	Bùi Thị Thu Hiền	11/02/2003	11A2	6.5	6.8	1.2	2.38	1.20	4.8	8.8	5.0	7.8	6.5	7.3	9.8	
144	000493	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	25/11/2003	11A2	8.3	7.5	0.8	3	2.80	6.6	7.5	8.0	8.5	9.5	8.0	7.3	
145	000497	Bành Quốc Hoàng	15/12/2003	11A2	9.3	7.5	1.2	3.88	2.60	7.7	8.8	9.8	9.0	10.0	9.8	9.8	
146	000512	Nguyễn Hoàng Gia Hưng	14/11/2003	11A2	7.0	6.5	1.2	3.63	2.40	7.2	8.0	5.5	9.0	10.0	6.3	9.3	
147	000523	Nguyễn Thúc Khánh	26/04/2003	11A2	7.0	7.5	1.0	2.63	2.60	6.2	7.3	7.0	8.0	7.5	7.3	8.8	
148	000529	Nguyễn Trần Đăng Khoa	08/11/2003	11A2	7.3	7.8	1.0	2.75	1.60	5.4	6.8	8.3	8.3	9.8	8.3	9.5	
149	000533	Đoàn Duy Khương	21/05/2003	11A2	9.0	8.0	1.4	2.63	2.20	6.2	8.5	9.5	9.0	10.0	9.0	9.3	
150	000534	Hồ Thị Ngọc Kiểm	05/04/2003	11A2	7.3	8.3	1.2	3.13	2.40	6.7	8.5	7.5	9.3	10.0	9.0	7.5	

151	000547	Huỳnh Thị Thùy Linh	14/12/2003	11A2	4.8	4.5	1.8	3	2.40	7.2	8.5	3.8	6.8	5.3	7.8	7.5	
152	000576	Nguyễn Huỳnh Trúc My	01/09/2003	11A2	8.3	8.0	1.4	4.13	3.00	8.5	9.8	9.8	9.5	10.0	9.0	9.8	
153	000602	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	14/07/2003	11A2	7.5	5.5	0.8	2.88	1.60	5.3	8.3	7.0	5.5	6.5	7.8	7.5	
154	000611	Đoàn Lê Uyên Nhi	26/04/2003	11A2	7.5	6.5	0.8	4	2.20	7.0	5.8	5.8	8.0	7.0	8.0	7.5	
155	000615	Nguyễn Thị Đa Nhi	06/09/2003	11A2	5.8	7.5	1.2	3.13	2.00	6.3	8.5	7.5	8.8	10.0	7.0	8.8	
156	000633	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	24/04/2003	11A2	5.0	7.3	1.0	2.63	1.20	4.8	7.8	5.5	6.5	9.0	3.3	9.0	
157	000665	Đinh Huỳnh Trúc Phương	14/11/2003	11A2	7.5	6.5	1.0	2.5	3.00	6.5	7.8	7.0	7.0	6.5	8.8	9.5	
158	000666	Nguyễn Đặng Hoài Phương	09/03/2003	11A2	8.5	7.0	0.8	3	2.20	6.0	9.3	9.3	8.8	8.0	8.3	8.8	
159	000670	Nguyễn Ngọc Quang	27/06/2003	11A2	5.8	5.8	1.2	3.25	2.40	6.9	7.0	7.8	7.3	3.0	7.5	7.0	
160	000695	Nguyễn Phước Sang	02/11/2003	11A2	8.5	8.0	1.0	2.75	2.80	6.6	9.0	8.3	9.3	10.0	8.8	8.8	
161	000704	Nguyễn Tấn Tài	09/11/2003	11A2	8.5	7.0	1.0	2.38	2.20	5.6	7.0	8.8	7.3	9.8	8.5	9.3	
162	000707	Nguyễn Thị Thanh Tâm	24/09/2003	11A2	5.5	8.3	1.4	3	2.80	7.2	5.5	6.5	7.5	8.8	7.5	8.0	
163	000735	Phạm Xuân Thắng	11/06/2003	11A2	8.3	7.0	1.8	2.88	1.80	6.5	5.0	5.5	8.8	6.8	7.8	8.5	
164	000738	Lê Hoàng Mai Thi	14/04/2003	11A2	8.8	7.5	1.0	2.25	1.80	5.1	8.8	8.8	8.3	9.5	9.0	8.5	
165	000752	Đỗ Thị Ngọc Thúy	24/08/2003	11A2	8.0	6.0	1.8	3.63	2.40	7.8	4.5	9.5	8.0	9.0	9.8	10.0	
166	000767	Vũ Thái Anh Thư	12/12/2003	11A2	8.5	7.5	1.8	4	3.00	8.8	8.8	9.3	7.3	9.8	8.0	8.0	
167	000773	Trần Thanh Thương	11/05/2003	11A2	7.0	4.8	1.2	2.13	1.80	5.1	6.5	7.5	6.8	8.0	6.5	4.5	
168	000785	Trần Nguyễn Bình Tiên	14/11/2003	11A2	8.8	8.3	1.2	3.38	2.60	7.2	8.5	8.0	8.0	8.8	9.5	9.0	
169	000789	Phan Xuân Tiến	18/08/2003	11A2	8.3	7.5	1.0	3.88	2.80	7.7	8.3	9.0	7.8	9.8	8.0	8.8	
170	000793	Phạm Văn Toàn	14/10/2003	11A2	7.3	5.5	1.0	3	2.40	6.4	6.0	7.5	8.3	6.5	7.8	7.8	
171	000810	Phan Võ Đoàn Trâm	06/11/2003	11A2	7.3	7.8	0.8	3.5	3.00	7.3	9.0	8.0	8.3	10.0	10.0	8.5	
172	000813	Phùng Ninh Anh Trí	02/11/2003	11A2	6.3	4.5	1.2	3.25	0.60	5.1	8.0	3.5	8.0	6.0	7.3	7.0	
173	000822	Trần Thị Thanh Trúc	10/08/2003	11A2	8.5	7.0	0.8	3.13	2.20	6.1	9.5	9.3	9.5	10.0	10.0	8.8	
174	000857	Phan Thanh Vũ	29/10/2003	11A2	6.8	7.3	1.4	3.25	2.80	7.5	9.0	8.0	9.0	7.0	10.0	8.3	
175	000864	Nguyễn Ngọc Trâm Vy	15/07/2003	11A2	8.5	8.0	1.2	3.75	3.00	8.0	9.0	8.8	9.0	9.8	10.0	9.8	
176	000866	Nguyễn Thị Tường Vy	28/02/2003	11A2	5.8	6.8	1.2	2.5	1.40	5.1	5.5	5.5	7.5	6.5	9.5	8.0	
177	000869	Võ Trần Thảo Vy	14/01/2003	11A2	6.0	8.0	0.8	2.75	1.40	5.0	7.5	7.0	7.5	9.8	6.5	9.5	
178	000872	Trần Thị Như Ý	01/04/2003	11A2	8.5	8.5	2.0	4.25	3.00	9.3	9.5	8.0	7.8	10.0	10.0	9.8	
179	000405	Nguyễn Vân Anh	12/11/2003	11A3	6.3	7.8	1.8	2.63	2.40	6.8	4.8	5.0	5.8	7.8	5.3	8.8	
180	000409	Trần Vân Anh	24/05/2003	11A3	8.3	8.0	2.0	3.38	2.60	8.0	7.8	5.8	8.5	9.3	7.3	7.5	
181	000423	Nguyễn Nhật Khánh Chi	07/05/2003	11A3	7.5	7.0	1.2	2.5	2.40	6.1	4.0	4.5	7.8	8.5	7.3	7.5	

182	000436	Tạ Ngọc Dung	22/04/2003	11A3	8.3	7.0	2.0	3.25	2.00	7.3	9.0	8.5	9.3	9.5	8.8	8.5	
183	000439	Nguyễn Trọng Dũng	09/07/2003	11A3	5.8	6.3	1.8	1.38	1.40	4.6	7.0	5.0	2.5	9.3	5.5	7.0	
184	000448	Võ Thành Đại	07/11/2003	11A3	9.0	7.0	2.0	1.88	2.20	6.1	8.5	7.8	8.0	9.5	8.5	9.8	
185	000451	Huỳnh Tấn Đạt	20/12/2003	11A3	3.0	5.5	2.0	3.75	1.60	7.4	4.0	3.8	5.5	4.5	5.3	6.5	
186	000466	Lê Thị Việt Hà	27/11/2003	11A3	8.3	8.0	2.0	2.75	2.40	7.2	6.0	6.8	9.8	8.8	9.5	8.0	
187	000470	Ngô Nguyễn Trường Hải	26/07/2003	11A3	8.0	6.8	1.6	2	1.20	4.8	8.3	7.0	8.8	7.0	7.8	9.3	
188	000481	Trương Thị Kim Hân	30/04/2003	11A3	3.8	7.3	2.0	2.5	1.40	5.9	6.0	4.8	7.3	9.0	5.0	9.0	
189	000505	Đỗ Quang Huy	03/03/2003	11A3	5.5	5.5	2.0	3.63	2.60	8.2	7.8	5.5	7.5	6.5	6.8	8.5	
190	000511	Nguyễn Thị Kim Huyền	19/09/2003	11A3	6.3	6.8	2.0	3.13	3.00	8.1	7.3	6.5	8.3	6.3	7.5	6.5	
191	000516	Phan Minh Khải	15/03/2002	11A3	3.3	7.3	2.0	3.63	1.40	7.0	3.0	5.0	5.5	4.3	4.5	7.8	
192	000526	Phạm Duy Khiêm	29/11/2003	11A3	7.3	7.0	2.0	3.75	2.20	8.0	7.3	7.3	8.3	8.3	7.8	9.0	
193	000528	Nguyễn Đăng Khoa	13/12/2003	11A3	6.3	7.8	2.0	2.63	2.40	7.0	8.0	6.5	8.3	8.5	5.8	8.8	
194	000537	Huỳnh Tuấn Kiệt	16/05/2003	11A3	9.0	7.3	2.0	2.38	2.60	7.0	7.0	5.0	6.3	4.5	5.8	7.5	
195	000554	Châu Hoàng Long	25/05/2003	11A3	7.0	7.5	2.0	2.25	1.60	5.9	7.0	5.0	7.5	9.5	5.0	7.8	
196	000555	Lưu Việt Long	20/11/2003	11A3	7.8	6.3	2.0	3.88	2.00	7.9	8.5	6.0	6.0	5.0	8.8	7.3	
197	000562	Hà Thị Mỹ Lý	04/06/2003	11A3	8.5	7.3	2.0	3.38	3.00	8.4	9.0	7.0	8.0	8.5	8.8	8.0	
198	000571	Lê Quang Minh	24/10/2003	11A3	7.0	8.5	2.0	1.38	1.00	4.4	6.5	5.3	5.8	6.8	3.3	5.0	
199	000582	Ngô Hoàng Khánh Ngân	28/09/2003	11A3	2.0	8.0	1.8	2.63	2.00	6.4	6.3	4.3	6.5	8.0	4.8	8.8	
200	000583	Nguyễn Kim Ngân	08/08/2003	11A3	5.3	6.8	2.0	2.38	2.00	6.4	8.3	5.3	8.0	6.3	6.8	9.0	
201	000585	Trần Kim Ngân	08/12/2003	11A3	8.3	7.3	2.0	2.25	2.60	6.9	8.5	6.5	6.0	4.3	4.5	7.3	
202	000595	Ngô Hồng Ngọc	13/08/2003	11A3	5.8	8.0	2.0	2.13	1.80	5.9	4.3	3.0	6.5	5.0	4.8	7.8	
203	000606	Mai Hoàng Trọng Nhân	15/09/2003	11A3	9.3	7.0	1.8	4.13	2.60	8.5	6.5	6.5	4.3	2.5	4.5	6.8	
204	000610	Vũ Hoàng Minh Nhật	04/11/2003	11A3	8.3	7.0	2.0	3.25	3.00	8.3	8.3	8.8	8.8	9.5	8.0	8.5	
205	000614	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	30/10/2003	11A3	5.0	6.8	1.8	1.88	1.80	5.5	3.5	4.3	4.3	1.0	6.3	5.3	
206	000621	Võ Hoàng Yến Nhi	07/09/2003	11A3	7.5	7.8	1.8	2.75	2.60	7.2	5.0	4.5	7.0	6.8	5.3	8.3	
207	000623	Hồ Huyền Nhiên	01/01/2003	11A3	5.3	8.0	2.0	3	2.20	7.2	5.0	5.0	4.5	7.0	6.5	6.5	
208	000624	Lương Tuyết Nhung	26/08/2003	11A3	6.8	8.0	1.6	3.25	2.20	7.1	7.8	6.5	6.0	9.3	6.8	8.8	
209	000630	Nguyễn Thị Huỳnh Như	15/12/2001	11A3	6.0	8.0	1.6	2.13	2.00	5.7	7.0	5.0	8.0	9.3	6.8	8.0	
210	000631	Nguyễn Thị Xuân Như	08/11/2003	11A3	9.3	9.0	2.0	4.38	3.00	9.4	9.5	9.3	9.5	10.0	8.5	8.5	
211	000677	Nguyễn Hoàng Anh Quốc	31/10/2003	11A3	7.8	7.5	1.8	3	3.00	7.8	6.0	5.5	8.3	9.5	8.5	8.8	
212	000683	Phạm Lê Thảo Quyên	12/10/2003	11A3	7.0	7.5	1.8	2.13	2.80	6.7	3.5	5.5	7.8	5.5	3.5	7.5	

213	000701	Đặng Sơn Siêu	29/05/2003	11A3	8.5	7.8	2.0	3.13	3.00	8.1	9.0	6.8	9.3	9.8	6.5	9.3	
214	000705	Trần Huỳnh Đức Tài	03/07/2003	11A3	6.3	7.3	2.0	3.63	1.80	7.4	5.8	4.8	5.8	8.8	7.8	9.0	
215	000720	Vũ Tiến Thành	07/07/2003	11A3	6.3	6.3	1.8	2	1.40	5.2	6.0	4.3	6.3	9.3	6.8	9.5	
216	000734	Nguyễn Hữu Thắng	30/04/2003	11A3	4.0	5.0	2.0	3.5	1.40	6.9	2.0	5.3	7.5	9.0	4.0	7.3	
217	000747	Nguyễn Xuân Thu	19/08/2003	11A3	6.0	6.5	1.8	1.38	1.20	4.4	6.8	4.3	7.8	6.8	8.0	7.3	
218	000748	Trần Phước Ngọc Thuận	17/11/2003	11A3	9.3	8.3	2.0	3.5	2.60	8.1	6.3	7.8	8.5	9.5	7.5	8.3	
219	000763	Nguyễn Thành Anh Thư	15/05/2003	11A3	5.0	6.0	2.0	1.38	1.00	4.4	2.5	4.5	5.0	2.0	2.8	4.8	
220	000800	Nguyễn Đỗ Thùy Trang	08/02/2003	11A3	9.5	7.0	1.6	4.13	2.80	8.5	9.3	9.8	10.0	9.8	8.5	9.3	
221	000811	Dương Nguyệt Bảo Trân	03/02/2003	11A3	5.5	8.0	1.8	1.88	0.60	4.3	9.0	5.0	6.8	10.0	6.5	8.8	
222	000821	Trần Thanh Trúc	06/07/2003	11A3	5.8	7.3	1.8	2	1.20	5.0	4.5	4.8	4.0	4.3	6.0	4.3	
223	000828	Phạm Công Tú	10/05/2002	11A3	2.3	6.5	2.0	1.75	1.00	4.8	1.8	2.8	1.0	6.8	5.0	3.5	
224	000399	Hứa Hiếu Anh	19/04/2003	11A4	6.8	5.0	1.8	2.25	2.00	6.1	6.3	5.5	8.8	7.0	6.0	5.5	
225	000401	Lương Hoàng Anh	03/11/2003	11A4	6.3	7.8	2.0	3.25	2.20	7.5	5.5	4.8	8.8	9.5	5.5	9.0	
226	000411	Võ Ngọc Mai Anh	10/12/2003	11A4	5.3	7.5	1.8	3	1.60	6.4	6.0	4.8	5.0	7.0	4.5	8.8	
227	000413	Trương Ngọc Ánh	29/10/2003	11A4	8.0	7.8	1.4	3	2.80	7.2	8.8	9.0	8.8	7.5	7.5	9.0	
228	000418	Trương Quốc Bảo	07/01/2003	11A4	7.5	5.3	2.0	1.63	2.80	6.4	8.0	5.0	6.3	6.3	5.3	6.8	
229	000442	Trương Quốc Duy	26/11/2003	11A4	6.0	4.5	2.0	3.63	2.20	7.8	4.3	6.8	6.3	6.0	4.5	5.0	
230	000452	Huỳnh Tấn Đạt	30/09/2001	11A4	8.5	6.8	1.6	2.13	2.00	5.7	6.0	5.3	9.0	8.0	8.0	7.0	
231	000462	Lê Quang Đức	14/10/2003	11A4	7.0	5.5	2.0	2.63	2.00	6.6	8.3	6.3	6.0	6.5	5.5	5.8	
232	000490	Nguyễn Văn Hiếu	05/08/2003	11A4	6.0	6.3	2.0	2	0.40	4.4	7.8	3.8	7.3	6.5	4.3	9.3	
233	000506	Lê Đức Huy	12/06/2003	11A4	9.0	5.5	2.0	3.88	2.60	8.5	9.3	8.5	9.0	9.8	7.5	9.3	
234	000510	Lại Bích Huyền	06/07/2003	11A4	8.3	5.0	2.0	3.38	2.00	7.4	3.3	5.5	7.8	5.8	5.0	5.3	
235	000524	Nguyễn Trần Gia Khánh	15/03/2003	11A4	5.0	7.3	2.0	2.88	1.20	6.1	4.3	2.8	6.5	6.3	3.3	9.0	
236	000552	Tạ Nguyễn Mai Linh	29/08/2003	11A4	8.0	6.8	2.0	3.25	3.00	8.3	7.8	6.0	9.3	9.5	7.0	9.5	
237	000568	Vũ Công Mạnh	02/06/2003	11A4	7.0	6.5	2.0	2.75	2.20	7.0	8.0	5.3	8.8	8.3	7.0	8.8	
238	000569	Trần Thị Mận	11/06/2002	11A4	7.0	7.3	2.0	2.38	2.20	6.6	9.3	5.0	6.3	7.0	4.3	9.5	
239	000570	Lâm Vũ Gia Minh	22/05/2003	11A4	5.0	5.5	2.0	2.88	1.60	6.5	6.0	3.8	5.8	5.3	6.3	6.8	
240	000577	Nguyễn Ngọc Diễm My	24/08/2003	11A4	6.8	8.0	1.8	3.38	2.80	8.0	7.3	8.5	8.8	8.5	8.5	9.5	
241	000586	Trần Thị Tuyết Ngân	19/06/2003	11A4	5.5	8.0	2.0	2.75	3.00	7.8	7.5	4.5	7.5	6.3	7.8	8.5	
242	000587	Võ Bảo Nghi	21/06/2003	11A4	6.8	5.3	2.0	2.38	2.40	6.8	5.3	4.8	6.5	9.8	4.0	8.8	
243	000590	Nguyễn Minh Nghĩa	01/12/2003	11A4	6.5	6.5	1.4	3	2.80	7.2	6.8	4.8	5.0	5.0	3.8	7.5	

244	000601	Nguyễn Thảo Nguyên	10/05/2003	11A4	5.8	6.8	1.8	2.75	1.20	5.8	7.0	6.3	7.8	9.0	7.8	8.0	
245	000612	Lê Trần Ngọc Uyên Nhi	23/10/2003	11A4	9.0	7.0	1.6	3.38	3.00	8.0	9.3	9.3	8.5	9.3	7.0	9.5	
246	000632	Nguyễn Thị Yến Như	21/04/2003	11A4	8.3	7.5	2.0	2.88	2.80	7.7	9.0	7.0	8.3	9.0	7.5	8.3	
247	000636	Nguyễn Hà Ni	08/12/2003	11A4	8.8	7.5	2.0	2.88	2.00	6.9	7.3	8.3	4.3	6.5	7.3	6.8	
248	000639	Nguyễn Thị Kiều Oanh	18/07/2003	11A4	7.5	7.8	1.8	2.38	1.40	5.6	6.5	8.8	7.3	7.0	8.5	6.5	
249	000642	Phan Hùng Phát	26/10/2002	11A4	8.0	6.3	2.0	3	2.60	7.6	5.0	2.3	6.5	7.0	4.3	8.0	
250	000652	Nguyễn Duy Phúc	21/05/2003	11A4	8.8	8.0	2.0	3	2.80	7.8	6.8	6.3	9.3	10.0	6.8	9.5	
251	000661	Huỳnh Lưu Phước	07/02/2003	11A4	9.8	7.0	2.0	2.38	2.40	6.8	9.0	9.3	9.3	10.0	8.5	9.8	
252	000663	Bùi Ngọc Uyên Phương	04/10/2003	11A4	7.3	6.8	1.8	2.75	2.80	7.4	7.3	6.5	9.3	8.0	7.5	9.3	
253	000675	Nguyễn Đỗ Ngọc Quý	16/02/2003	11A4	6.5	5.5	2.0	2.38	2.60	7.0	6.0	3.8	2.0	5.0	6.0	8.0	
254	000696	Nguyễn Tấn Sang	15/09/2003	11A4	5.3	5.0	2.0	3.38	1.00	6.4	5.5	4.0	7.8	6.5	6.0	6.3	
255	000713	Nguyễn Cầu Thái	01/02/2003	11A4	7.3	5.8	1.8	3.63	3.00	8.4	8.8	6.8	7.8	9.3	9.5	9.0	
256	000729	Trần Xuân Thảo	06/09/2003	11A4	6.8	6.8	2.0	3.25	3.00	8.3	9.5	7.5	8.3	10.0	8.0	9.0	
257	000732	Trương Thị Thu Thảo	15/05/2002	11A4	5.5	5.0	1.8	2.38	1.60	5.8	3.5	4.8	4.5	6.8	8.3	6.5	
258	000744	Nguyễn Lạc Trường Thịnh	22/10/2003	11A4	8.3	7.0	2.0	2.5	1.00	5.5	7.0	7.5	7.8	9.8	8.5	7.8	
259	000750	Nguyễn Ngọc Thanh Thủy	09/10/2003	11A4	7.3	6.8	2.0	2.13	1.40	5.5	4.0	3.5	7.8	5.3	6.3	8.3	
260	000756	Nguyễn Hoàng Minh Thư	01/12/2003	11A4	9.3	7.5	1.8	3	3.00	7.8	9.8	7.8	9.5	10.0	4.3	9.8	
261	000771	Lê Thụy Hoài Thương	09/06/2003	11A4	8.5	6.8	1.8	3	3.00	7.8	8.0	8.5	5.8	9.5	9.0	7.0	
262	000777	Võ Huỳnh Phương Thy	26/09/2003	11A4	5.3	5.0	1.8	2.75	0.60	5.2	3.5	5.0	4.3	4.0	5.0	6.5	
263	000781	Lê Trần Thủy Tiên	13/08/2003	11A4	6.5	7.0	2.0	2.75	2.00	6.8	7.3	6.5	9.0	5.0	4.5	8.5	
264	000790	Trần Mạnh Tiến	21/04/2003	11A4	6.3	6.0	2.0	2.75	2.20	7.0	7.5	3.8	8.8	8.8	7.5	8.5	
265	000794	Trần Quốc Toàn	19/08/2003	11A4	7.8	3.8	2.0	3.38	1.80	7.2	3.5	5.0	5.0	2.5	6.8	7.3	
266	000803	Phạm Thị Minh Trang	04/10/2003	11A4	9.3	6.5	2.0	3.88	3.00	8.9	9.3	7.5	9.0	10.0	7.5	10.0	
267	000837	Trần Sơn Tùng	20/08/2003	11A4	3.3	7.5	2.0	3.75	1.80	7.6	4.5	5.0	5.5	6.5	8.0	4.5	
268	000850	Vũ Thanh Vi	05/12/2003	11A4	7.5	8.8	1.6	4	2.80	8.4	9.0	7.8	8.5	6.8	7.8	8.5	
269	000391	Nguyễn Thành An	26/05/2003	11A5	5.8	7.3	1.6	2	2.40	6.0	8.3	7.0	9.0	10.0	9.0	9.8	
270	000395	Vũ Trần Hoài An	02/09/2003	11A5	7.0	7.0	1.4	3	2.80	7.2	9.5	7.3	8.8	7.5	5.0	9.5	
271	000431	Trần Mạnh Cường	10/10/2003	11A5	7.5	6.5	1.6	3.5	2.80	7.9	9.5	9.3	7.5	9.5	8.0	9.3	
272	000432	Lê Thị Diễm	07/02/2003	11A5	8.5	8.0	1.8	3.5	3.00	8.3	8.3	9.5	9.3	10.0	9.3	8.5	
273	000445	Huỳnh Lê Thùy Dương	16/11/2003	11A5	6.3	7.0	1.4	3.13	3.00	7.5	9.0	8.3	7.8	9.5	5.0	7.5	
274	000453	Huỳnh Thành Đạt	24/09/2003	11A5	5.3	6.8	0.8	3.13	2.80	6.7	6.8	6.5	7.5	9.0	6.0	7.8	

275	000461	Hồ Tấn Đức	01/05/2003	11A5	7.8	5.5	1.4	3.5	3.00	7.9	8.8	6.3	7.5	9.5	8.5	10.0	
276	000473	Nguyễn Nhật Hào	10/04/2003	11A5	7.8	7.5	1.6	3	2.60	7.2	7.0	7.0	8.5	9.0	9.5	9.5	
277	000474	Đổng Thị Minh Hào	23/07/2002	11A5	6.0	7.8	0.8	2.5	3.00	6.3	8.8	7.8	8.5	9.8	7.0	10.0	
278	000492	Trịnh Văn Hiếu	03/05/2003	11A5	7.8	7.5	1.4	2.63	2.80	6.8	6.8	5.5	8.5	9.8	6.8	7.8	
279	000496	Huỳnh Khải Hoàn	03/02/2003	11A5	6.8	7.0	1.2	2.88	2.40	6.5	8.3	6.3	7.8	5.8	5.0	6.0	
280	000518	Đặng Duy Khang	06/11/2003	11A5	5.5	7.8	1.2	3.13	2.60	6.9	7.5	8.0	9.0	10.0	8.3	9.8	
281	000553	Dương Hồng Loan	20/01/2003	11A5	5.0	7.8	2.0	2.63	2.60	7.2	9.0	7.3	7.8	9.0	6.3	9.3	
282	000560	Trần Thảo Ly	02/06/2003	11A5	7.5	7.8	1.0	3.25	2.80	7.1	8.3	7.5	6.8	10.0	7.5	9.5	
283	000561	Bùi Trần Phương Lý	26/10/2003	11A5	7.8	7.0	1.6	2.75	2.80	7.2	9.3	8.0	9.3	10.0	7.8	9.3	
284	000573	Nguyễn Nhật Minh	14/12/2003	11A5	6.0	7.0	1.4	2.88	3.00	7.3	8.0	8.3	8.3	9.3	8.3	9.3	
285	000580	Nguyễn Tường Nhật Nam	05/09/2003	11A5	3.8	5.3	1.6	2.75	3.00	7.4	7.0	4.5	8.5	4.5	5.8	8.5	
286	000591	Nguyễn Thành Nghĩa	20/06/2003	11A5	6.5	6.5	1.6	2.75	3.00	7.4	9.3	7.5	6.0	7.0	7.5	7.5	
287	000616	Nguyễn Thị Yến Nhi	10/01/2003	11A5	2.8	5.0	1.6	2.75	1.60	6.0	5.5	7.0	5.5	7.0	4.5	7.0	
288	000628	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	29/11/2003	11A5	6.8	8.3	1.4	3	2.60	7.0	8.8	6.0	9.3	9.8	7.5	7.3	
289	000644	Bùi Hoàng Phi	30/07/2003	11A5	5.8	7.3	2.0	2.63	3.00	7.6	6.8	6.5	5.0	6.0	5.3	8.3	
290	000651	Nguyễn Chánh Phúc	13/07/2003	11A5	8.8	7.5	1.6	2.5	2.80	6.9	9.5	8.3	9.0	9.8	8.5	10.0	
291	000655	Nguyễn Lê Minh Phúc	05/01/2003	11A5	5.0	5.5	1.2	2.25	3.00	6.5	6.5	4.8	4.5	2.5	5.8	7.5	
292	000659	Võ Hoàng Phúc	20/10/2003	11A5	6.0	6.8	1.4	3.63	2.80	7.8	7.3	6.3	8.5	9.8	7.5	9.0	
293	000662	Trần Vi Phước	01/03/2003	11A5	7.0	6.0	1.6	2.25	3.00	6.9	7.3	6.0	4.3	4.0	6.0	6.8	
294	000685	Lê Thị Như Quỳnh	01/03/2003	11A5	4.8	6.5	0.8	2.5	2.00	5.3	6.8	4.8	2.0	5.5	6.0	7.0	
295	000688	Phạm Ngọc Quỳnh	11/05/2003	11A5	5.8	7.8	1.2	3.13	3.00	7.3	6.3	8.8	9.3	9.3	6.3	9.5	
296	000694	Nguyễn Minh Sang	07/08/2002	11A5	4.3	3.8	1.6	1.5	2.20	5.3	4.3	5.5	6.8	3.5	2.5	6.3	
297	000719	Ngô Ngọc Thành	01/07/2003	11A5	4.5	6.8	1.0	2.75	2.80	6.6	8.0	6.3	8.3	9.5	3.8	9.5	
298	000725	Nguyễn Trinh Ngọc Thảo	03/09/2003	11A5	5.0	6.8	0.8	2.88	2.60	6.3	3.8	2.8	7.3	4.0	2.0	6.5	
299	000736	Phan Toàn Thắng	05/09/2003	11A5	8.0	6.3	1.6	4	2.80	8.4	9.3	8.0	9.0	10.0	7.5	9.3	
300	000755	Lê Ngọc Minh Thư	06/11/2003	11A5	7.3	7.0	1.2	3	1.60	5.8	8.5	6.8	5.8	9.8	6.8	9.5	
301	000760	Nguyễn Minh Thư	17/01/2003	11A5	4.0	5.8	1.6	3.38	1.40	6.4	1.3	2.5	6.0	6.0	2.8	6.3	
302	000764	Nhan Hoàng Anh Thư	05/11/2003	11A5	7.8	8.5	1.4	4.13	3.00	8.5	7.8	7.8	8.3	10.0	8.8	7.8	
303	000768	Lê Hồng Hoài Thương	07/11/2003	11A5	7.8	7.8	1.4	3.88	2.80	8.1	8.3	8.8	7.3	9.5	8.3	9.5	
304	000782	Nguyễn Kim Thủy Tiên	12/09/2003	11A5	5.3	7.8	1.4	2.88	2.60	6.9	6.5	5.0	5.0	9.0	6.8	7.5	
305	000816	Bùi Việt Thanh Trinh	01/10/2003	11A5	5.8	6.8	1.8	3	2.60	7.4	8.3	7.3	6.3	8.5	6.5	8.5	

306	000818	Lý Thị Diễm Trinh	21/04/2003	11A5	7.5	6.0	1.4	3.63	3.00	8.0	9.3	8.5	7.8	7.8	5.8	8.0	
307	000829	Tất Thanh Tú	06/11/2003	11A5	7.3	8.3	1.8	4	3.00	8.8	9.0	8.8	8.3	9.8	8.3	9.3	
308	000835	Phan Thanh Tuấn	13/06/2003	11A5	4.3	5.8	1.6	2.25	1.60	5.5	7.8	6.8	7.5	5.0	3.3	6.5	
309	000839	Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	30/09/2002	11A5	5.8	8.0	1.6	3	2.60	7.2	8.3	8.3	8.5	9.8	8.5	9.0	
310	000847	Nguyễn Thị Ái Vân	04/12/2003	11A5	4.0	8.8	0.8	3.63	2.80	7.2	7.8	7.5	6.5	9.5	6.5	9.0	
311	000855	Huỳnh Tuấn Vũ	10/11/2003	11A5	7.5	7.5	2.0	3.13	2.40	7.5	9.5	8.8	8.8	5.0	6.0	8.3	
312	000859	Lê Thị Phương Vy	03/03/2003	11A5	5.5	7.0	1.4	3	2.80	7.2	9.0	7.8	6.3	9.5	6.5	9.8	
313	000863	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	10/12/2003	11A5	6.8	8.0	1.4	3.75	3.00	8.2	8.5	7.8	9.3	10.0	8.3	9.0	
314	000389	Nguyễn Đặng Trường An	23/05/2003	11A6	5.5	6.0	1.2	2.63	1.40	5.2	5.3	5.0	4.8	6.3	2.5	7.0	
315	000407	Phạm Quỳnh Anh	04/07/2003	11A6	5.0	7.8	1.8	2.75	2.40	7.0	8.3	5.0	7.3	6.8	4.3	8.0	
316	000417	Trần Lê Gia Bảo	07/09/2003	11A6	7.5	7.8	1.8	2.75	2.60	7.2	7.0	7.5	9.3	7.5	6.5	9.0	
317	000437	Nguyễn Anh Dũng	02/03/2003	11A6	6.0	6.3	1.6	2.75	2.40	6.8	3.8	4.5	6.8	6.8	4.8	8.5	
318	000463	Ngô Thị Thanh Giang	14/08/2003	11A6	8.5	8.0	2.0	4	3.00	9.0	7.5	7.5	7.3	7.5	8.8	9.5	
319	000465	Lại Thị Thu Hà	17/11/2003	11A6	4.5	4.8	1.6	2.88	2.20	6.7	6.3	3.5	5.8	4.8	4.5	7.3	
320	000479	Nguyễn Phạm Thúy Hân	11/04/2002	11A6	6.0	6.0	1.6	2.25	2.60	6.5	6.5	5.3	4.0	0.5	5.0	8.0	
321	000517	Phan Văn Khải	07/12/2003	11A6	8.3	7.5	1.6	3.13	1.40	6.1	5.5	6.8	8.5	9.0	5.5	9.0	
322	000541	Nguyễn Thiên Kim	26/09/2003	11A6	4.0	7.5	2.0	2.13	1.00	5.1	5.0	3.0	5.8	7.0	6.3	7.0	
323	000548	Kiều Diệu Linh	05/01/2003	11A6	5.0	8.0	2.0	2.75	2.40	7.2	6.8	7.0	8.8	10.0	6.8	9.5	
324	000551	Phạm Hoàng Diệu Linh	03/04/2003	11A6	8.5	7.5	2.0	2.63	2.80	7.4	9.3	8.8	9.5	10.0	9.0	9.8	
325	000557	Nguyễn Lê Hoàng Long	05/01/2003	11A6	5.3	6.3	1.6	2.88	1.60	6.1	5.5	5.8	7.8	5.5	4.0	7.5	
326	000558	Võ Thành Lộc	10/05/2003	11A6	7.3	7.8	1.8	3.88	2.40	8.1	7.5	6.5	9.0	9.8	8.0	10.0	
327	000572	Nguyễn Đức Minh	02/01/2003	11A6	7.8	6.5	1.4	2.75	2.40	6.6	8.8	8.3	8.8	5.5	8.3	7.3	
328	000594	Huỳnh Thị Mỹ Ngọc	30/11/2003	11A6	8.0	7.5	1.6	3.38	2.20	7.2	8.5	7.8	8.5	9.5	8.3	9.3	
329	000622	Võ Phạm Quỳnh Nhi	28/04/2003	11A6	7.5	8.0	1.8	2.5	1.80	6.1	6.3	6.8	8.3	6.8	8.0	6.8	
330	000645	Đinh Bằng Phi	03/05/2003	11A6	7.0	7.5	2.0	3.5	3.00	8.5	8.5	6.8	6.0	9.5	6.0	9.8	
331	000646	Đặng Võ Minh Phúc	18/11/2003	11A6	5.8	7.0	1.2	3	3.00	7.2	5.5	4.3	5.0	5.5	3.3	8.0	
332	000649	Huỳnh Thiên Phúc	23/12/2003	11A6	8.5	6.5	1.8	3.63	3.00	8.4	8.8	6.8	6.8	6.5	3.8	6.0	
333	000667	Nguyễn Mậu Phương	01/03/2003	11A6	9.0	6.5	1.6	2.5	2.80	6.9	9.5	6.0	8.0	5.5	9.0	7.0	
334	000672	Trần Văn Quang	09/10/2003	11A6	6.5	6.8	1.8	3.63	2.20	7.6	8.8	5.5	7.3	9.5	4.5	8.8	
335	000715	Lê Thị Ngân Thanh	16/03/2003	11A6	3.0	7.5	1.6	2.88	1.20	5.7	4.5	5.5	4.5	5.5	3.3	8.5	
336	000716	Phạm Thanh Thanh	16/02/2003	11A6	6.5	6.5	1.6	3.88	3.00	8.5	9.0	7.0	6.3	6.5	6.8	7.8	

337	000731	Trương Ngọc Thanh Thảo	03/05/2003	11A6	8.0	7.8	1.4	3.5	2.60	7.5	9.5	8.3	8.5	9.5	9.3	10.0	
338	000743	Nguyễn Chánh Thịnh	16/10/2003	11A6	7.5	7.3	1.4	2.5	1.60	5.5	7.5	4.8	8.3	6.0	7.5	7.5	
339	000749	Phạm Thanh Thùy	21/05/2003	11A6	8.8	7.5	1.6	3.38	3.00	8.0	8.3	9.3	8.8	9.0	9.3	8.5	
340	000766	Trần Anh Thư	27/05/2003	11A6	8.3	6.8	1.6	4	2.60	8.2	9.0	5.5	6.8	10.0	6.0	9.0	
341	000770	Lê Thị Ngọc Thương	20/12/2003	11A6	6.0	5.3	1.4	2	3.00	6.4	7.0	3.0	7.5	6.0	5.0	6.8	
342	000774	Nguyễn Anh Thy	04/02/2003	11A6	8.3	7.0	1.6	3.38	1.80	6.8	8.3	7.0	7.8	9.5	7.8	9.0	
343	000778	Bùi Nguyễn Như Tiên	13/12/2003	11A6	8.0	7.5	1.4	2.5	2.40	6.3	8.5	6.0	8.0	5.3	8.0	8.8	
344	000780	Hứa Thị Huỳnh Tiên	14/07/2003	11A6	6.3	7.3	1.6	2.75	2.60	7.0	7.3	5.0	3.5	6.8	5.3	8.0	
345	000783	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	23/01/2003	11A6	8.0	7.3	1.8	3	3.00	7.8	9.3	6.8	8.8	9.5	7.3	9.5	
346	000788	Nguyễn Văn Tiến	14/10/2001	11A6	7.3	7.5	1.8	3	2.40	7.2	8.3	7.8	8.8	8.3	9.0	8.3	
347	000792	Nguyễn Thị Kim Tính	24/09/2003	11A6	8.3	7.5	1.8	2.38	2.00	6.2	5.3	5.0	8.3	9.8	8.0	9.3	
348	000799	Ngô Thị Phương Trang	12/11/2003	11A6	7.8	7.5	1.8	2.75	1.80	6.4	7.8	5.8	7.3	10.0	8.8	8.5	
349	000808	Nguyễn Hà Bích Trâm	05/11/2003	11A6	6.5	8.0	1.8	3.38	2.20	7.4	7.8	7.0	7.3	9.8	5.0	8.8	
350	000824	Nguyễn Quang Trung	09/12/2003	11A6	7.8	7.5	1.8	4.38	2.20	8.4	9.0	8.0	7.8	9.5	6.5	10.0	
351	000825	Phan Chí Trung	22/06/2003	11A6	8.0	6.5	2.0	4.13	2.00	8.1	8.0	6.8	6.0	7.5	5.0	8.0	
352	000834	Nguyễn Ngọc Vũ Tuấn	06/12/2003	11A6	6.8	8.0	2.0	4	0.20	6.2	8.5	6.0	7.3	5.8	7.5	8.3	
353	000836	Trần Anh Tuấn	08/02/2003	11A6	5.0	7.5	1.6	2.63	0.60	4.8	5.8	4.3	6.5	7.0	5.0	7.5	
354	000840	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	13/11/2003	11A6	6.8	7.5	1.8	3.38	2.20	7.4	6.3	3.5	7.3	6.8	6.5	7.8	
355	000845	Lê Nguyễn Phương Uyên	08/03/2003	11A6	9.8	8.3	1.6	3.88	3.00	8.5	8.5	8.5	8.8	8.8	9.5	9.8	
356	000852	Đặng Hoàng Vinh	29/04/2003	11A6	7.8	7.0	1.8	3.5	2.80	8.1	8.0	5.5	8.5	7.0	4.5	10.0	
357	000877	Phạm Thị Ngọc Yến	01/06/2003	11A6	8.0	8.0	2.0	3	2.20	7.2	9.5	6.8	8.5	10.0	9.0	9.5	
358	000392	Nguyễn Thị Mỹ An	02/11/2003	11A7	6.8	8.0	2.0	2.75	2.60	7.4	5.8	5.5	6.8	9.5	6.5	10.0	
359	000396	Dương Ngọc Lan Anh	28/09/2003	11A7	8.5	7.3	2.0	3.13	2.60	7.7	9.3	8.8	8.5	10.0	8.3	9.5	
360	000408	Trần Hoài Anh	08/02/2003	11A7	7.5	8.0	2.0	2.75	2.00	6.8	8.8	6.8	7.5	6.3	3.3	8.5	
361	000415	Nguyễn Hoài Quốc Bảo	24/05/2003	11A7	8.8	6.5	2.0	3.88	3.00	8.9	8.8	9.5	9.8	9.8	7.8	9.5	
362	000416	Trần Gia Bảo	23/11/2003	11A7	8.8	5.8	2.0	3.13	2.60	7.7	8.5	8.0	9.3	9.0	6.0	8.8	
363	000424	Phạm Công Chiến	28/03/2003	11A7	5.5	6.5	1.8	3.63	1.20	6.6	5.0	5.5	6.8	7.5	8.8	9.3	
364	000440	Hoàng Mạnh Duy	13/07/2003	11A7	6.8	5.0	2.0	4.13	2.80	8.9	8.8	8.0	5.3	5.0	5.0	5.5	
365	000459	Vũ Tiến Đạt	21/10/2002	11A7	6.0	7.3	2.0	3.13	3.00	8.1	5.0	5.0	5.3	7.3	2.3	7.5	
366	000471	Nguyễn Ngọc Hạnh	17/05/2003	11A7	7.3	5.3	2.0	2.88	2.80	7.7	5.8	7.5	7.8	9.3	9.0	8.8	
367	000486	Lê Thị Ngọc Hiệp	20/03/2003	11A7	7.3	7.8	2.0	2.75	1.60	6.4	7.0	5.5	7.0	9.0	5.5	8.5	

368	000489	Nguyễn Trung Hiếu	15/04/2003	11A7	8.0	6.3	2.0	4	2.80	8.8	7.8	7.0	9.0	6.8	8.5	9.5	
369	000491	Trịnh Lê Ngọc Hiếu	22/04/2003	11A7	5.0	4.3	2.0	3.88	3.00	8.9	5.8	7.3	8.0	7.5	5.5	7.5	
370	000498	Nguyễn Minh Hoàng	15/12/2003	11A7	8.5	6.3	2.0	4.25	2.80	9.1	7.8	7.3	8.0	7.0	9.3	9.0	
371	000515	Nguyễn Bảo Thuận Kha	06/09/2003	11A7	4.8	6.0	2.0	3.13	1.80	6.9	5.3	6.3	8.3	6.8	3.3	7.0	
372	000521	Bùi Phương Khanh	29/07/2003	11A7	8.5	8.0	2.0	4.63	3.00	9.6	8.8	7.0	8.5	8.5	5.3	8.8	
373	000522	Võ Tấn Khanh	02/09/2003	11A7	8.0	6.8	2.0	3.5	2.40	7.9	8.3	5.8	7.0	7.5	6.8	7.5	
374	000525	Phạm Gia Khánh	14/04/2003	11A7	6.3	6.3	2.0	3.38	1.60	7.0	8.0	3.0	7.8	8.3	5.8	9.0	
375	000536	Huỳnh Anh Kiệt	11/08/2003	11A7	9.0	7.0	2.0	3.5	2.80	8.3	9.5	9.3	9.0	10.0	7.8	9.8	
376	000542	Trần Hoàng Thiên Kim	04/10/2003	11A7	8.8	7.8	1.8	3.25	3.00	8.1	8.3	8.3	9.0	8.3	6.5	8.5	
377	000543	Vũ Thị Thùy Lam	22/11/2003	11A7	7.3	7.0	2.0	3.25	2.20	7.5	8.8	6.5	6.8	7.8	5.5	7.5	
378	000584	Phan Huỳnh Xuân Ngân	16/01/2003	11A7	8.0	7.5	2.0	3.38	2.60	8.0	5.5	5.3	5.3	7.0	7.0	7.0	
379	000634	Lê Hữu Nhựt	19/02/2003	11A7	7.3	7.5	1.8	2.88	2.60	7.3	6.8	5.0	7.3	7.5	7.8	8.5	
380	000635	Nguyễn Minh Nhựt	30/04/2003	11A7	5.8	7.8	1.6	2.5	2.20	6.3	5.8	3.5	7.8	6.3	5.0	8.5	
381	000641	Lê Huy Phát	19/11/2003	11A7	7.3	6.8	2.0	2.5	0.60	5.1	6.5	3.8	7.5	6.3	2.0	7.3	
382	000656	Nguyễn Ngọc Phúc	27/07/2003	11A7	8.0	4.3	2.0	3.5	2.60	8.1	8.8	8.8	8.8	10.0	6.8	8.5	
383	000669	Nguyễn Ngọc Phượng	24/03/2003	11A7	7.8	7.8	2.0	3.5	3.00	8.5	8.0	6.8	8.8	8.8	7.0	9.5	
384	000673	Lê Minh Quân	19/03/2003	11A7	6.5	6.8	2.0	2.63	2.40	7.0	7.0	6.5	8.5	8.3	6.8	9.3	
385	000686	Nguyễn Diễm Quỳnh	17/11/2003	11A7	8.8	7.0	2.0	4	3.00	9.0	9.0	7.8	9.8	10.0	8.0	9.3	
386	000708	Tạ Thị Minh Tâm	20/03/2003	11A7	6.8	8.3	2.0	3.25	2.60	7.9	7.8	7.5	9.3	9.3	6.3	9.8	
387	000709	Trần Thanh Tâm	19/11/2003	11A7	7.0	6.0	2.0	3.38	1.80	7.2	5.5	6.5	7.0	7.3	6.8	8.0	
388	000710	Đình Duy Tân	03/10/2003	11A7	7.3	7.3	2.0	3.25	2.60	7.9	4.3	6.8	8.0	8.8	3.3	7.3	
389	000753	Nguyễn Thị Thúy	28/06/2003	11A7	8.5	7.8	2.0	3.38	3.00	8.4	7.8	9.8	9.0	10.0	8.8	8.8	
390	000769	Lê Thị Hoài Thương	11/11/2003	11A7	9.0	7.5	2.0	3.75	2.60	8.4	9.8	7.8	8.0	9.3	8.0	8.8	
391	000779	Hắc Quỳnh Cẩm Tiên	15/02/2003	11A7	6.5	6.3	2.0	3.25	2.40	7.7	7.0	7.5	8.3	6.5	7.8	9.0	
392	000784	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	20/05/2003	11A7	8.8	7.3	2.0	3.25	2.80	8.1	9.0	7.8	8.5	9.0	6.5	9.3	
393	000786	Nguyễn Thanh Tiên	23/01/2003	11A7	6.3	6.0	1.8	2.25	2.40	6.5	7.3	5.5	9.0	9.3	6.5	9.3	
394	000797	Lê Thị Huyền Trang	02/12/2003	11A7	8.0	7.5	2.0	3.25	3.00	8.3	9.0	7.3	8.0	8.5	6.0	8.5	
395	000814	Phạm Nguyễn Minh Triết	27/10/2003	11A7	6.8	4.8	2.0	3	2.40	7.4	6.3	5.5	6.0	3.5	3.5	8.5	
396	000826	Huỳnh Mai Anh Tú	03/09/2003	11A7	7.8	6.8	2.0	3.13	2.40	7.5	6.5	5.3	5.3	7.5	5.8	7.8	
397	000846	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	27/11/2003	11A7	8.8	8.3	2.0	3.75	2.80	8.6	9.8	8.8	8.3	9.5	8.0	9.0	
398	000865	Nguyễn Thanh Vy	23/05/2003	11A7	7.0	6.8	2.0	3.5	3.00	8.5	9.5	8.0	8.8	9.5	7.0	8.8	

399	000874	Phạm Trần Hy Yên	08/05/2003	11A7	5.0	6.5	2.0	3	1.60	6.6	6.8	4.3	9.0	7.3	6.0	8.0	
400	000394	Võ Thành An	05/10/2003	11A8	8.5	7.5	2.0	4	2.80	8.8	7.5	8.3	9.3	10.0	9.5	10.0	
401	000410	Trương Hoàng Thảo Anh	13/10/2003	11A8	4.8	6.5	2.0	3.38	3.00	8.4	5.8	5.8	8.3	7.3	6.8	7.3	
402	000422	Đoàn Thị Mỹ Chi	08/04/2003	11A8	3.3	4.5	2.0	2.25	2.00	6.3	7.5	4.5	5.8	4.0	4.3	4.0	
403	000430	Tạ Quốc Cường	23/06/2003	11A8	9.0	6.8	2.0	3.88	2.60	8.5	8.0	8.8	8.3	9.8	8.3	9.8	
404	000455	Nguyễn Thành Đạt	28/10/2003	11A8	6.5	7.0	2.0	4.25	3.00	9.3	6.8	6.5	9.8	4.5	8.8	9.5	
405	000457	Nguyễn Trần Quốc Đạt	18/04/2003	11A8	6.8	6.5	2.0	2.75	2.80	7.6	6.5	6.5	7.5	6.0	8.0	9.0	
406	000458	Tô Nguyễn Thành Đạt	15/12/2002	11A8	8.0	7.0	1.8	2.88	2.60	7.3	5.0	6.5	4.3	7.3	6.5	8.5	
407	000467	Nguyễn Thị Thu Hà	09/07/2003	11A8	6.5	7.5	2.0	2.5	3.00	7.5	6.5	8.3	6.5	8.5	4.8	9.0	
408	000476	Nguyễn Bích Hằng	21/08/2003	11A8	7.3	7.0	2.0	3.5	2.80	8.3	7.5	6.5	7.8	7.8	8.5	9.0	
409	000487	Phạm Nguyễn Minh Hiệp	17/05/2003	11A8	5.3	4.8	2.0	1.5	1.60	5.1	2.0	4.0	5.5	2.5	5.0	6.5	
410	000495	Phạm Đức Hòa	22/10/2003	11A8	7.0	7.5	2.0	4.25	2.60	8.9	5.3	5.5	5.5	7.3	6.0	8.0	
411	000563	Dương Võ Như Mai	02/05/2003	11A8	6.5	7.8	2.0	3.88	3.00	8.9	8.5	7.0	9.8	10.0	8.3	9.0	
412	000565	Đỗ Thị Tuyết Mai	14/11/2003	11A8	4.5	7.3	2.0	2.88	2.80	7.7	6.3	5.3	7.3	5.0	4.5	7.8	
413	000567	Nguyễn Xuân Mạnh	02/10/2003	11A8	3.3	8.0	2.0	3.75	2.80	8.6	4.8	4.5	7.5	5.8	6.5	10.0	
414	000578	Nguyễn Thị Hoài Mỹ	28/11/2003	11A8	7.5	8.5	2.0	3.38	2.80	8.2	9.0	8.0	8.3	9.5	7.8	8.3	
415	000598	Nguyễn Trần Hoàng Ngọc	14/09/2003	11A8	8.0	7.3	1.8	3.13	2.60	7.5	6.8	6.5	9.0	8.3	7.0	9.3	
416	000607	Nguyễn Khánh Nhân	07/10/2003	11A8	8.5	6.5	1.8	3.63	3.00	8.4	7.0	9.3	9.5	9.3	8.8	9.3	
417	000617	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/10/2003	11A8	3.0	6.8	2.0	3.25	3.00	8.3	6.0	5.5	9.0	5.0	4.8	7.3	
418	000627	Mai Hồng Quỳnh Như	02/06/2003	11A8	2.3	7.0	2.0	2.75	2.60	7.4	4.0	2.8	6.0	3.0	8.0	6.8	
419	000629	Nguyễn Thị Cẩm Như	17/09/2003	11A8	7.0	8.3	2.0	3.63	2.80	8.4	8.8	5.0	9.0	9.5	7.3	8.0	
420	000657	Trần Hoàng Phúc	10/02/2003	11A8	7.0	6.5	1.8	3.5	2.80	8.1	9.0	7.8	8.5	9.3	8.0	9.0	
421	000660	Nguyễn Thị Kim Phụng	24/06/2001	11A8	8.0	8.0	2.0	3.25	2.80	8.1	8.5	6.0	8.8	9.5	8.0	9.0	
422	000678	Đặng Phú Quý	08/07/2003	11A8	7.3	6.8	2.0	3.13	2.80	7.9	5.8	5.8	8.5	7.0	4.5	7.5	
423	000691	Trương Ngọc Như Quỳnh	13/12/2003	11A8	6.5	8.3	2.0	2.63	3.00	7.6	5.0	6.0	9.5	10.0	9.3	9.0	
424	000693	Nguyễn Đức Sang	31/08/2003	11A8	3.8	4.5	1.8	3	2.40	7.2	3.0	2.3	3.8	0.5	3.3	6.0	
425	000711	Đào Minh Tấn	29/01/2003	11A8	5.5	8.5	1.6	2.75	2.60	7.0	5.0	5.8	5.8	6.3	4.3	7.3	
426	000714	Lê Thị Huyền Thanh	20/02/2003	11A8	8.0	8.5	1.8	3.25	3.00	8.1	9.0	6.8	6.5	10.0	6.8	10.0	
427	000717	Lê Đình Chí Thành	05/03/2003	11A8	7.0	7.0	2.0	2.88	3.00	7.9	4.0	5.3	5.5	8.5	3.8	7.3	
428	000718	Lê Việt Thành	02/12/2003	11A8	3.5	8.0	1.8	4.13	2.40	8.3	6.8	4.8	9.5	9.0	7.5	9.0	
429	000721	Chu Thị Thu Thảo	03/12/2003	11A8	8.0	7.3	2.0	3.63	3.00	8.6	9.3	5.3	6.3	7.3	6.8	10.0	

430	000726	Phạm Ngọc Thảo	22/08/2003	11A8	8.5	6.8	2.0	4	3.00	9.0	8.0	6.5	9.0	10.0	7.3	9.0	
431	000737	Tô Việt Thắng	01/11/2003	11A8	5.8	4.8	1.8	1.63	1.60	5.0	4.5	3.3	3.0	2.0	4.5	6.5	
432	000739	Nguyễn Ngọc Anh Thi	11/07/2003	11A8	9.3	6.8	2.0	4	3.00	9.0	9.3	7.0	9.3	9.8	6.5	9.8	
433	000745	Cao Văn Thọ	04/03/2003	11A8	6.5	7.0	2.0	3.75	2.60	8.4	6.3	6.0	9.3	9.5	8.0	9.5	
434	000757	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	26/12/2003	11A8	7.3	6.8	2.0	3.63	3.00	8.6	4.8	3.8	8.8	9.8	7.8	8.0	
435	000758	Nguyễn Lê Minh Thư	07/12/2003	11A8	6.8	7.8	2.0	3.63	3.00	8.6	6.3	6.8	8.8	9.0	7.5	8.5	
436	000761	Nguyễn Minh Thư	30/08/2003	11A8	9.5	7.5	1.8	3.63	3.00	8.4	9.3	9.3	9.0	9.5	8.8	9.5	
437	000765	Phạm Minh Thư	16/09/2003	11A8	6.3	7.0	1.8	3.13	2.20	7.1	6.0	4.0	5.0	4.5	6.0	7.0	
438	000795	Vũ Song Toàn	20/08/2003	11A8	8.5	4.0	1.8	4.25	3.00	9.1	5.3	7.3	8.0	7.3	5.5	8.8	
439	000801	Nguyễn Thị Hoài Trang	22/03/2003	11A8	2.0	5.0	2.0	2.75	1.60	6.4	4.5	3.5	6.5	6.5	2.5	7.3	
440	000805	Trần Lê Phương Trang	14/03/2003	11A8	7.8	6.8	2.0	2.75	2.20	7.0	7.5	8.0	7.8	9.5	7.3	8.5	
441	000815	Nguyễn Hoàng Triều	29/05/2003	11A8	5.3	5.0	2.0	3.5	3.00	8.5	6.0	6.8	7.5	4.8	2.0	4.5	
442	000820	Tăng Trần Huy Trọng	15/04/2003	11A8	6.5	7.3	2.0	4.38	2.80	9.2	7.0	8.0	8.5	7.0	9.5	7.5	
443	000833	Đoàn Châu Tuấn	09/07/2003	11A8	4.5	7.3	2.0	2.88	2.60	7.5	7.0	4.8	1.0	3.5	5.0	5.3	
444	000843	Đào Ngọc Phương Uyên	27/07/2003	11A8	6.8	8.3	1.8	3.63	2.80	8.2	6.5	6.0	8.8	9.8	8.3	8.5	
445	000402	Nguyễn Hoàng Phương Anh	24/01/2003	11A9	8.5	8.0	1.4	3.38	2.80	7.6	7.8	9.0	8.8	10.0	7.8	7.5	
446	000403	Nguyễn Ngọc Vân Anh	18/09/2003	11A9	6.5	6.8	1.2	3.38	2.80	7.4	6.3	5.5	8.0	6.3	7.8	8.3	
447	000412	Trần Ngọc Ánh	04/03/2003	11A9	8.3	7.0	1.4	2.38	3.00	6.8	7.5	6.3	5.5	6.3	9.0	8.0	
448	000419	Trương Quốc Bình	16/02/2003	11A9	8.5	7.0	1.4	2.75	2.40	6.6	8.8	9.8	9.5	9.8	9.3	9.0	
449	000433	Đoàn Thị Mỹ Diệu	04/04/2003	11A9	9.3	7.3	1.6	4	2.80	8.4	8.0	7.8	7.5	9.0	6.8	9.0	
450	000435	Nguyễn Hoàng Mỹ Dung	31/08/2003	11A9	8.8	5.5	1.6	2.75	3.00	7.4	8.5	8.0	5.3	8.0	9.3	8.5	
451	000468	Ninh Thị Thu Hạ	05/08/2003	11A9	5.5	6.3	1.2	2.5	1.40	5.1	4.3	5.0	5.8	7.3	8.0	8.5	
452	000469	Đào Duy Hải	02/09/2003	11A9	6.8	5.8	1.6	3.5	1.80	6.9	7.3	5.5	8.0	5.0	7.8	7.8	
453	000499	Phạm Huy Hoàng	29/11/2003	11A9	5.5	5.3	1.4	2.88	2.40	6.7	5.8	6.3	6.0	3.0	5.8	5.0	
454	000501	Từ Thiên Hoàng	15/04/2003	11A9	8.5	7.0	1.8	4.75	3.00	9.6	7.5	8.0	8.8	9.5	9.5	9.3	
455	000502	Nguyễn Thị Mỹ Hồng	12/11/2003	11A9	8.3	7.8	1.6	2.88	2.60	7.1	5.8	9.8	5.8	8.3	6.8	9.0	
456	000514	Lê Thị Minh Hương	15/04/2003	11A9	8.8	6.5	1.4	2.88	3.00	7.3	8.8	9.3	8.8	9.8	9.5	9.5	
457	000527	Huỳnh Anh Khoa	26/04/2002	11A9	6.8	7.3	1.4	3.25	3.00	7.7	6.0	7.8	7.8	6.0	9.0	10.0	
458	000545	Nguyễn Hồng Lân	01/12/2003	11A9	6.8	7.3	1.6	3.5	1.40	6.5	6.3	8.3	9.3	9.3	7.8	9.0	
459	000574	Trần Nguyễn Hùng Minh	02/06/2003	11A9	0.0	7.5	1.2	1.88	1.20	4.3	4.0	1.3	3.5	6.0	3.3	8.8	
460	000581	Lê Bùi Hương Ngân	14/09/2003	11A9	8.5	8.0	1.6	4	2.40	8.0	9.0	9.0	9.0	9.3	7.8	9.3	

461	000588	Ngô Thành Nghị	13/08/2003	11A9	9.8	6.8	1.6	3.13	2.60	7.3	7.5	7.3	7.3	8.0	5.0	7.3	
462	000596	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	31/03/2003	11A9	9.3	7.8	1.6	3.13	2.60	7.3	7.3	7.5	8.8	10.0	7.5	9.8	
463	000600	Đặng Trần Khôi Nguyên	05/09/2003	11A9	7.5	6.3	0.8	2.75	2.80	6.4	6.5	8.0	5.8	2.3	6.5	6.0	
464	000603	Bùi Thành Ngữ	04/10/2003	11A9	10.0	6.3	0.8	3.25	3.00	7.1	9.0	9.0	9.0	9.0	9.5	9.0	
465	000605	Lê Thành Nhân	01/07/2003	11A9	6.3	3.3	1.0	1	0.80	2.8	4.8	5.0	4.0	3.0	7.5	8.3	
466	000613	Nguyễn Hoài Phương Nhi	14/03/2003	11A9	8.0	6.8	1.8	3.13	2.40	7.3	6.8	7.5	9.5	9.8	9.8	8.0	
467	000676	Lê Bảo Quốc	19/11/2003	11A9	9.0	6.5	1.4	3.25	2.80	7.5	6.5	6.8	7.3	8.0	6.5	9.5	
468	000684	Phan Thị Tố Quyên	17/05/2003	11A9	9.0	7.3	1.2	3.5	3.00	7.7	8.8	9.8	9.0	8.8	9.3	7.8	
469	000687	Phạm Hồ Phương Quỳnh	23/12/2003	11A9	3.3	6.8	1.2	3	2.00	6.2	6.8	3.0	4.5	5.0	3.8	8.8	
470	000700	Lê Xuân Sáng	18/03/2002	11A9	9.3	5.0	1.4	2.13	3.00	6.5	7.0	5.8	8.8	7.5	9.5	7.8	
471	000703	Lê Kim Tài	04/06/2003	11A9	7.3	6.0	1.4	3.5	3.00	7.9	7.0	7.3	8.0	4.5	5.5	7.8	
472	000706	Nguyễn Đào Anh Tâm	01/06/2003	11A9	8.3	6.3	0.8	2.75	3.00	6.6	4.5	9.0	8.3	5.5	8.0	8.3	
473	000727	Phạm Phương Thảo	26/11/2003	11A9	5.5	7.0	1.6	3.25	0.60	5.5	4.8	3.8	7.8	4.8	5.0	9.5	
474	000741	Bùi Quốc Thiện	14/04/2003	11A9	7.0	6.5	1.4	3.38	1.80	6.6	7.8	7.0	7.8	9.3	9.3	8.8	
475	000742	Chung Minh Thiện	21/02/2003	11A9	8.5	7.3	1.4	2.63	2.80	6.8	8.3	9.3	9.0	9.3	9.0	9.3	
476	000746	Dương Phúc Kim Thoa	02/08/2003	11A9	8.3	5.8	1.0	2.88	3.00	6.9	7.0	7.3	7.5	7.3	8.5	6.0	
477	000754	Nguyễn Thị Thu Thúy	06/06/2003	11A9	9.0	7.0	1.4	2.88	2.60	6.9	6.3	9.0	6.8	7.0	6.5	9.0	
478	000759	Nguyễn Lê Minh Thư	20/06/2003	11A9	9.3	7.8	1.4	3.25	2.80	7.5	9.5	9.5	9.0	9.8	9.5	9.3	
479	000798	Lê Thị Thùy Trang	25/12/2003	11A9	9.3	7.8	1.4	3.38	3.00	7.8	8.5	5.0	8.0	5.0	7.0	4.0	VPQT
480	000807	Võ Minh Trang	30/09/2003	11A9	9.0	7.8	1.6	4.13	3.00	8.7	9.5	9.8	8.3	10.0	10.0	9.0	
481	000812	Huỳnh Anh Trí	15/09/2003	11A9	9.0	7.5	1.4	2.5	2.60	6.5	9.0	9.8	7.8	9.5	9.0	8.5	
482	000817	Lê Tuyết Trinh	31/12/2003	11A9	6.8	7.0	1.4	3.13	2.80	7.3	9.0	8.3	5.5	9.5	3.4	7.8	VPQT
483	000827	Nguyễn Thảo Cẩm Tú	03/07/2003	11A9	9.0	7.0	1.0	3.38	3.00	7.4	9.0	8.3	8.8	9.0	8.8	8.0	
484	000841	Trần Thanh Tuyền	22/04/2003	11A9	7.8	8.0	1.4	3.38	3.00	7.8	9.0	9.0	7.5	9.3	8.5	7.3	
485	000853	Hồ Phạm Quang Vinh	13/12/2002	11A9	5.3	7.5	1.6	3	2.20	6.8	6.5	7.5	8.5	9.8	8.8	9.8	
486	000856	Huỳnh Hữu Long Vũ	22/12/2003	11A9	9.3	7.0	1.0	2.75	2.60	6.4	7.0	5.8	8.5	9.3	9.0	9.8	
487	000858	Trần Thị Hồng Vui	18/03/2003	11A9	10.0	7.5	1.2	3.13	3.00	7.3	8.3	9.8	6.8	8.8	9.0	8.3	
488	000868	Trần Trọng Phương Vy	04/07/2003	11A9	6.5	6.5	1.6	3.25	2.00	6.9	5.3	6.0	7.3	6.5	8.5	8.5	
489	000875	Mai Hồng Yến	11/01/2003	11A9	4.3	5.8	1.0	2.63	2.80	6.4	3.3	1.8	7.0	5.0	6.0	5.0	